

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:30/2022/HNGĐST

Ngày: **26/8/2022**

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

2. Ông **Dương Minh Ngọc**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị H, sinh năm: 1989, địa chỉ: Nhà công vụ Bệnh viện Đ -Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Huỳnh Tiến S, sinh năm: 1983, địa chỉ: Khối 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông S tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào năm 2018, vợ chồng sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống. Sau khi cưới vợ chồng sống chung được 6 tháng thì phân ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, không hàn gắn khắc phục được mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn yêu cầu ly hôn ông S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Huỳnh Thị Nhật H, sinh năm: 2019. Nếu ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi cháu Nhật H và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi

con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông S trình bày tại hồ sơ:

Về điều kiện và thời gian kết hôn ông S đồng ý như bà H khai, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND thị trấn N; trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng như bà H trình bày. Vợ chồng bất đồng quan điểm nhưng ông S vẫn quan tâm chăm sóc vợ con, không làm gì có lỗi với vợ con. Nay ông S vẫn còn tình cảm với vợ con, không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có một con chung tên Huỳnh Thị Nhật H, sinh năm: 2019. Nếu bà H cương quyết yêu cầu ly hôn, ông S thống nhất giao con cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Tài sản chung: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung và cho mượn nợ: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H thống nhất ông S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Ông S vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Dương Thị H được ly hôn ông Huỳnh Tiến S. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung cho bà Dương Thị H nuôi dưỡng, bà H yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên chấp nhận; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dương Thị H có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với ông Huỳnh Tiến S, địa chỉ: khối 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông S là bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa,

giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông S vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do chính đáng, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà H và ông S tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào năm 2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H khai do vợ chồng không hiểu nhau. Sau khi cưới vợ chồng sống chung được 6 tháng thì phân ai nấy sống. Ông S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng như bà H trình bày. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ, tuy nhiên bà H cương quyết ly hôn. Tại phiên hòa giải lần hai, ông S không có mặt theo giấy triệu tập nên không tiến hành hòa giải được, cũng thể hiện ông S không có thiện chí hòa giải để khắc phục mâu thuẫn. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Dương Thị Hu được ly hôn ông Huỳnh Tiến S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung và cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung:**

[3.1] **Về con chung:** Bà H và ông S có một con chung tên Huỳnh Thị Nhật H, sinh năm: 2019. Tại phiên hòa giải, bà H và ông S thống nhất nếu ly hôn thì giao con cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông S không có mặt, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con, thống nhất với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho đứa trẻ. Hiện nay cháu Nhật H chưa đủ 36 tháng tuổi, đang ở với bà H; bà H có công việc và thu nhập ổn định. Các đương sự đều có nguyện vọng giao cháu Nhật H cho mẹ là bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nhật H và căn cứ theo quy định của pháp luật nên xét giao con chung Huỳnh Thị Nhật H, sinh ngày 29/9/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung:** Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

[5] **Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm:** Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” đối với bị đơn ông Huỳnh Tiến S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Tiến S.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Huỳnh Thị Nhật H, sinh ngày 29/9/2019 cho bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Huỳnh Tiến S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ông Huỳnh Tiến S được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông S thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011016 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Ông Huỳnh Tiến S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND thị trấn Núi Thành;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Thùy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa